

Tích hợp nguyên lý ESG vào quản lý chuỗi cung ứng xanh: Nền tảng chiến lược cho doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh mới

TS Trần Thị Thu Hương - Nguyễn Thị Tuyền - Mai Thị Hải
Trường Đại học Thương mại - Trường Đại học Hải Phòng - Tạp chí Cộng sản
23:57, ngày 29-06-2026

TCCS - Trong bối cảnh hiện nay, việc tích hợp các nguyên lý ESG vào quản lý chuỗi cung ứng xanh ngày càng trở thành yêu cầu cấp thiết đối với doanh nghiệp. Cách tiếp cận này không chỉ góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường - xã hội mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh, quản trị rủi ro và khả năng chống chịu của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp Việt Nam, áp lực từ các thị trường xuất khẩu chủ lực càng làm gia tăng tính cấp thiết của quá trình chuyển đổi, đòi hỏi định hướng chiến lược và đánh giá toàn diện cơ hội, thách thức.

Nội hàm của tích hợp ESG vào quản lý chuỗi cung ứng xanh

Khái niệm ESG

ESG (Environment - Social - Governance) là một bộ tiêu chuẩn môi trường - xã hội - quản trị, dùng để đánh giá mức độ bền vững và trách nhiệm của một doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh và đầu tư. Ba trụ cột của ESG bao gồm: 1- Môi trường (environment - E), trụ cột này xem xét cách doanh nghiệp quản lý các tác động đến môi trường tự nhiên, bao gồm việc ứng phó với biến đổi khí hậu, kiểm soát phát thải khí nhà kính và dấu chân carbon, quản lý chất thải và ô nhiễm, bảo vệ đa dạng sinh học và chống phá rừng; 2- Xã hội (social - S), mục tiêu là đánh giá cách doanh nghiệp quản lý mối quan hệ với con người và cộng đồng, bao gồm bảo đảm nhân quyền, điều kiện lao động công bằng và an toàn, thúc đẩy sự đa dạng và hòa nhập, và thực thi trách nhiệm xã hội trong toàn bộ chuỗi cung ứng; 3- Quản trị (governance - G), tập trung vào cách thức doanh nghiệp được điều hành, kiểm soát và ra quyết định, nhằm bảo đảm tính minh bạch trong hoạt động, trách nhiệm giải trình của lãnh đạo, và xây dựng một cấu trúc quản lý bền vững, hiệu quả để bảo vệ lợi ích của các bên liên quan.

Khái niệm quản lý chuỗi cung ứng xanh

Quản lý chuỗi cung ứng xanh (Green Supply Chain Management - GSCM) là quá trình tích hợp tư duy và mục tiêu môi trường vào mọi hoạt động của chuỗi cung ứng. Vấn đề cốt lõi của GSCM là lồng ghép các yếu tố môi trường xuyên suốt toàn bộ vòng đời sản phẩm, từ khâu khai thác nguyên liệu, sản xuất, vận chuyển, tiêu dùng cho đến thu hồi và tái chế; từ đó giảm thiểu ô nhiễm và hạn chế tiêu thụ tài nguyên, nâng cao hiệu quả vận hành và tối ưu hóa chi phí chuỗi cung ứng. GSCM đặc biệt đề cao sự hợp tác chặt chẽ giữa các bên liên quan, từ nhà cung ứng, doanh nghiệp, khách hàng đến các chủ thể liên quan khác, nhằm xây dựng các tiêu chuẩn môi trường chung và cùng nhau thúc đẩy các giải pháp bền vững.

Tích hợp các trụ cột ESG vào GSCM

Tích hợp ESG vào GSCM không đơn thuần là sự kết hợp cơ học của hai khái niệm, mà là việc tạo ra một khuôn khổ quản trị toàn diện, giúp doanh nghiệp chuyển đổi từ tâm thế tuân thủ đơn thuần sang chủ động kiến tạo giá trị bền vững, biến các thách thức về môi trường và xã hội thành lợi thế cạnh tranh dài hạn. Việc tích hợp ESG vào GSCM đòi hỏi một cách tiếp cận hệ thống, xuyên suốt mọi mắt xích và hoạt động của chuỗi cung ứng. Khuôn khổ hành động này sẽ cụ thể hóa các cam kết bền vững của doanh nghiệp thành những hành động có thể đo lường được, từ đó tạo ra một chuỗi cung ứng “xanh” về môi trường, “sạch” về xã hội, “minh bạch” về quản trị.

Tích hợp trụ cột môi trường (E): Chuyển từ giảm thiểu tác động sang tạo ra giá trị

Kiểm soát phát thải khí nhà kính: Doanh nghiệp cần xây dựng một hệ thống đo lường, báo cáo và xác minh (MRV) tuân thủ các chuẩn mực quốc tế về phát thải khí nhà kính. Hệ thống này bao quát cả ba phạm vi phát thải: phát thải trực tiếp từ hoạt động sản xuất (phạm vi 1), phát thải từ năng lượng mua vào (phạm vi 2) và phát thải gián tiếp trong toàn bộ chuỗi cung ứng (phạm vi 3). Dữ liệu minh bạch và quy trình chuẩn hóa từ hệ thống MRV là nền tảng để triển khai các biện pháp giảm dấu chân carbon của doanh nghiệp và khuyến khích các đối tác trong chuỗi cung ứng cùng hành động.

Tối ưu hóa logistics xanh: Hoạt động vận tải và kho bãi chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lượng phát thải của doanh nghiệp. Các giải pháp trọng tâm bao gồm: điện hóa phương tiện vận tải, sử dụng nhiên liệu sạch (khí hóa lỏng, hydro) và ứng dụng công nghệ số như AI và IoT để tối ưu hóa lộ trình và hệ số tải trọng. Đồng thời, việc phát triển mô hình “kho hàng xanh”, sử dụng năng lượng tái tạo và hệ thống chiếu sáng hiệu quả góp phần giảm phát thải.

Ưu tiên nguyên liệu và công nghệ xanh: Tư duy thiết kế sinh thái (eco-design) cần được xem là kim chỉ nam cho việc lựa chọn nguyên liệu đầu vào. Doanh nghiệp cần chú trọng thiết kế sản phẩm có vòng đời dài, dễ sửa chữa và thuận lợi cho tái chế. Cùng với đó, doanh nghiệp nên ưu tiên sử dụng các nguyên liệu có khả năng tái chế, tái tạo, có chứng nhận bền vững và đồng bộ hóa với việc chuyển đổi sang công nghệ sản xuất tiết kiệm nguyên liệu, hạn chế tiêu hao năng lượng, nước và loại trừ hóa chất độc hại.

Quản lý chất thải tuần hoàn: Cách tiếp cận này xem chất thải như một nguồn lực. Doanh nghiệp cần triển khai các mô hình thu gom sản phẩm khi kết thúc sử dụng, tái sử dụng vật liệu và phụ phẩm của quá trình sản xuất. Việc sử dụng bao bì phân hủy sinh học, kiểm soát bao bì dư thừa và xử lý chất thải đạt chuẩn cũng đóng vai trò quan trọng trong hạn chế ô nhiễm.

Tích hợp trụ cột xã hội (S): Xây dựng chuỗi cung ứng công bằng và nhân văn

Bảo vệ quyền lao động và điều kiện làm việc an toàn: Đây là yêu cầu cơ bản nhất, đòi hỏi doanh nghiệp phải tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và pháp luật Việt Nam. Các thực hành cho yêu cầu này bao gồm không sử dụng lao động cưỡng bức, cung cấp môi trường làm việc an toàn với trang thiết bị bảo hộ đầy đủ, và xây dựng chính sách lương thưởng công bằng, không phân biệt đối xử.

Đào tạo và phát triển nhân lực về ESG: Doanh nghiệp cần tổ chức các chương trình đào tạo định kỳ về an toàn lao động, tiết kiệm năng lượng, và tái chế chất thải. Quan trọng hơn, cần xây dựng văn hóa doanh nghiệp khuyến khích sự tham gia của nhân viên vào các sáng kiến ESG, tạo ra sự đồng thuận và cam kết từ cấp quản lý đến người lao động trực tiếp.

Thúc đẩy nhà cung cấp tuân thủ ESG: Doanh nghiệp cần kiểm toán và đánh giá định kỳ mức độ tuân thủ ESG của các nhà cung cấp về điều kiện lao động và an toàn sản xuất. Đồng thời, doanh nghiệp cần chủ động hỗ trợ các nhà cung cấp, đặc biệt là nhà cung cấp nhỏ, thông qua chia sẻ kiến thức, công nghệ và đào tạo kỹ năng để họ nâng cao năng lực và cùng tham gia vào chuỗi cung ứng bền vững.

Tích hợp trụ cột quản trị (G): Bảo đảm sự minh bạch và độ tin cậy trong kỷ nguyên số

Minh bạch hóa dữ liệu và báo cáo ESG: Minh bạch là nền tảng của trách nhiệm giải trình và bảo đảm mức độ tin cậy với các bên có liên quan. Doanh nghiệp cần xây dựng hệ thống thu thập và công bố thông tin theo các chuẩn mực quốc tế, bao gồm dữ liệu về phát thải, tiêu thụ năng lượng, chính sách lao động và các rủi ro quản trị. Báo cáo minh bạch không chỉ đáp ứng yêu cầu của khách hàng, nhà đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước mà còn giúp doanh nghiệp ra quyết định chính xác hơn.

Kiểm soát rủi ro liên quan đến ESG: Doanh nghiệp cần sớm nhận diện và đánh giá các rủi ro tiềm ẩn trong chuỗi cung ứng, bao gồm rủi ro môi trường (vi phạm tiêu chuẩn xả thải), rủi ro xã hội (tai nạn lao động, đình công), và rủi ro quản trị (tham nhũng, gian lận). Một hệ thống quản trị rủi ro toàn diện là công cụ thiết yếu để dự báo và giảm thiểu các tác động tiêu cực này.

Tuân thủ pháp lý và chuẩn mực quốc tế: Các rào cản pháp lý và phi thuế quan liên quan đến ESG đang trở thành công cụ sàng lọc thị trường quan trọng, đòi hỏi doanh nghiệp không chỉ tuân thủ luật pháp trong nước mà còn phải đáp ứng các quy định ngày càng nghiêm ngặt từ thị trường xuất khẩu. Các quy định này bao trùm nhiều khía cạnh: từ khí hậu (cơ chế điều chỉnh biên giới carbon - CBAM), đa dạng sinh học và chống phá rừng (quy định EUDR), an toàn thực phẩm (chiến lược “Từ nông trại đến bàn ăn” - F2F) của EU; đến công bố thông tin (Quy định Công bố thông tin khí hậu của SEC) và quyền con người (Đạo luật Phòng chống lao động cưỡng bức - UFLPA) của Hoa Kỳ. Việc áp dụng các tiêu

chuẩn quốc tế như ISO 14001 cũng giúp nâng cao năng lực quản lý môi trường và bảo đảm tính tuân thủ xuyên suốt chuỗi cung ứng.

Xây dựng cơ chế giám sát nội bộ và thực thi trong toàn chuỗi cung ứng: Để bảo đảm các cam kết được thực thi, doanh nghiệp cần xây dựng hệ thống đánh giá nội bộ thông qua các chỉ số đo lường hiệu suất (KPI) về giảm phát thải và hiệu suất xanh. Chính sách mua hàng phải tích hợp các điều khoản ESG bắt buộc để sàng lọc và đánh giá nhà cung ứng. Đối với những nhà cung cấp không đạt yêu cầu, cần có cơ chế cải thiện hoặc loại trừ để bảo vệ tính toàn vẹn của chuỗi cung ứng bền vững.

Phân tích SWOT quá trình tích hợp ESG vào GSCM của doanh nghiệp Việt Nam

Phân tích SWOT là một công cụ chẩn đoán, giúp doanh nghiệp đánh giá thực trạng nội tại và các yếu tố tác động từ môi trường bên ngoài. Việc hiểu rõ điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức sẽ giúp doanh nghiệp Việt Nam xây dựng một lộ trình tích hợp ESG vào GSCM một cách thực tế, hiệu quả và phù hợp.

Điểm mạnh (Strengths)

Nguồn nhân lực trẻ, năng động và nhạy bén với công nghệ: Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2025 dân số Việt Nam đạt khoảng 102,3 triệu người, với gần 63% dân số trong độ tuổi lao động (15 - 59 tuổi) và khoảng 1/3 lực lượng lao động thuộc thế hệ Gen Z (15 - 24 tuổi). Cùng với đó, tỷ lệ dân số sử dụng Internet đạt khoảng 80%, tỷ lệ kết nối di động lên tới 170%. Điều này khẳng định tiềm năng lớn từ nguồn cung lao động dồi dào, cơ cấu lao động trẻ, năng động và sẵn sàng tiếp cận công nghệ. Đây chính là lợi thế chiến lược, giúp doanh nghiệp Việt Nam nhanh chóng tiếp thu các quy trình sản xuất xanh, ứng dụng công nghệ số và tiếp cận các kiến thức mới về ESG, trên cơ sở đó, tăng khả năng thích ứng linh hoạt với những thay đổi liên tục của chuỗi cung ứng toàn cầu.

Sự xuất hiện của các doanh nghiệp tiên phong: Việt Nam đã hình thành một nhóm các doanh nghiệp lớn đi đầu trong việc tích hợp ESG vào GSCM như Vinamilk, Viettel, Vietnam Airlines. Khảo sát của Vietnam Report (2025) cho thấy, 72,6% số doanh nghiệp nông nghiệp hàng đầu của Việt Nam đã xây dựng chiến lược ESG toàn diện, với khoảng 4,6% số doanh nghiệp có báo cáo ESG hoặc báo cáo bền vững. Những mô hình tiên phong này thúc đẩy công đồng doanh nghiệp Việt Nam triển khai ESG trong chuỗi cung ứng. Nhờ đó, theo khảo sát “*Tiến trình thực hành ESG năm 2025*” của PwC Việt Nam, có tới 89% số doanh nghiệp đã hoặc dự kiến đưa ra cam kết ESG trong vòng 2 - 4 năm tới.

Lợi thế từ quá trình chuyển đổi kép (số và xanh): Khảo sát của Cục Phát triển doanh nghiệp cho thấy, 92% số doanh nghiệp đã quan tâm và từng bước triển khai các giải pháp số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, trong đó hơn 50% duy trì việc ứng dụng một cách thường xuyên. Trên cơ sở các giải pháp số này, doanh

ngành có thể tăng cường khai thác các công nghệ như Internet vạn vật (IoT), chuỗi khối (Blockchain) và dữ liệu lớn (Big Data) nhằm nâng cao tính minh bạch và năng lực quản trị doanh nghiệp và tạo điều kiện cho quá trình tự động hóa thu thập, xử lý, báo cáo dữ liệu ESG, tăng cường khả năng giám sát chuỗi cung ứng. Nhờ vậy, doanh nghiệp có thể đáp ứng hiệu quả hơn yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường quốc tế và thúc đẩy tiến trình chuyển đổi xanh theo định hướng phát triển bền vững trong toàn bộ chuỗi cung ứng.

Điểm yếu (Weaknesses)

Hạn chế về năng lực tài chính: Đây là thách thức lớn nhất đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) - vốn chiếm đến 97% tổng số doanh nghiệp tại Việt Nam. Trong khi đó, theo các nghiên cứu đã công bố, chi phí đầu tư ban đầu vào ESG có thể giảm lợi nhuận ngắn hạn của doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các SME, chi phí này có thể chiếm tới 15% lợi nhuận năm đầu tiên của doanh nghiệp. Nguồn vốn hạn chế và chi phí đầu tư ban đầu lớn đang cản trở đáng kể các khoản đầu tư vào công nghệ sạch, năng lượng tái tạo, hệ thống kiểm kê carbon hay xây dựng hệ thống giám sát ESG bài bản của các doanh nghiệp Việt Nam; từ đó nhiều doanh nghiệp không thể khởi động hoặc duy trì các chương trình phát triển bền vững.

Nhận thức và năng lực quản trị ESG còn yếu: Khảo sát của Ngân hàng nhà nước Việt Nam và các tổ chức liên quan cho thấy, hơn 70% SMEs chưa từng công bố báo cáo ESG; trong số các báo cáo hiện có, chỉ khoảng 15% đáp ứng được các tiêu chuẩn minh bạch quốc tế. Những số liệu này phản ánh rõ những hạn chế cả về năng lực quản trị lẫn công cụ triển khai ESG của các doanh nghiệp Việt Nam. Bên cạnh đó, tư duy quản trị ngắn hạn, thiên về mục tiêu lợi nhuận trước mắt, khiến phần lớn ESG bị nhìn nhận như một chi phí phát sinh thay vì một khoản đầu tư chiến lược tạo giá trị bền vững trong dài hạn. Sự thiếu đồng thuận về nhận thức giữa đội ngũ lãnh đạo và người lao động, cùng với tình trạng khan hiếm nguồn nhân lực có chuyên môn sâu về ESG, tiếp tục là những rào cản đáng kể, làm suy giảm hiệu quả hình thành cam kết nội bộ và triển khai ESG một cách thực chất.

Sự phụ thuộc vào chuỗi cung ứng nội địa thiếu minh bạch: Phần lớn doanh nghiệp Việt Nam vẫn dựa vào mạng lưới các nhà cung ứng nhỏ lẻ trong nước, vốn còn hạn chế về năng lực công nghệ, quản trị dữ liệu và mức độ tuân thủ các tiêu chuẩn minh bạch theo yêu cầu ESG quốc tế. Theo khảo sát của Thomson Reuters Institute, hơn 88% số doanh nghiệp toàn cầu yêu cầu thu thập dữ liệu ESG từ nhà cung cấp ít nhất mỗi năm một lần. Trong khi đó chỉ 30% số doanh nghiệp Việt Nam có báo cáo ESG hoàn chỉnh, 70% còn lại không thực hiện hoặc chỉ cung cấp dữ liệu mang tính rời rạc, thiếu nhất quán và chưa đáp ứng các chuẩn mực quốc tế (PwC, 2025). Điều này tạo ra khó khăn lớn về minh bạch và truy xuất nguồn gốc, làm gia tăng rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng, và đe dọa đến uy tín thương hiệu

cũng như khả năng duy trì đơn hàng từ các đối tác quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh tiêu chuẩn ESG được siết chặt nhanh chóng trên toàn cầu.

Cơ hội (Opportunities)

Cam kết mạnh mẽ của Chính phủ về phát triển bền vững: Trong những năm gần đây, Chính phủ Việt Nam đã xác lập các mục tiêu và khuôn khổ pháp lý rõ ràng nhằm hướng tới phát triển bền vững, chuyển đổi xanh và trung hòa các-bon. Mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 của Chính phủ, cùng với Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050; Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam... không chỉ củng cố hành lang pháp lý vững chắc mà còn gửi thông điệp mạnh mẽ tới cộng đồng doanh nghiệp, khuyến khích việc tích hợp ESG và chuyển dịch mô hình sản xuất, kinh doanh theo hướng xanh, sạch và bền vững.

Khả năng tiếp cận nguồn vốn đầu tư xanh và tín dụng bền vững: Theo Báo cáo quốc gia về khí hậu và phát triển của Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC), các doanh nghiệp có chiến lược ESG rõ ràng và được triển khai một cách hệ thống có khả năng thu hút lượng vốn đầu tư cao hơn từ 20 - 25% so với các doanh nghiệp chưa tiếp cận ESG một cách bài bản. Không những thế, quy mô dòng vốn ESG toàn cầu đã vượt ngưỡng 35 nghìn tỷ USD, mở ra cơ hội tiếp cận nguồn vốn ưu đãi cho các doanh nghiệp có chuỗi cung ứng minh bạch và mô hình quản trị bền vững. Tại Việt Nam, xu hướng ưu tiên phân bổ nguồn lực tài chính cho các chủ thể đáp ứng các tiêu chí môi trường - xã hội cũng ngày càng rõ nét với hơn 1,5 tỷ USD trái phiếu xanh được phát hành trong giai đoạn 2020 - 2025 (VBMA, 2025). Điều này khẳng định, ESG không chỉ là yêu cầu tuân thủ mà trở thành đòn bẩy tài chính chiến lược, giúp doanh nghiệp Việt Nam nâng cao khả năng thu hút vốn, tiếp cận các quỹ đầu tư xanh và mở rộng hợp tác với các đối tác lớn trên toàn cầu, qua đó củng cố nền tảng nguồn lực cho tiến trình chuyển đổi xanh và phát triển bền vững một cách toàn diện trong toàn bộ chuỗi cung ứng.

Thách thức (Threats)

Sự phức tạp của các khung báo cáo ESG: Hiện trên thế giới có hơn 600 bộ khung và phương pháp đánh giá ESG khác nhau, gây khó khăn cho doanh nghiệp Việt Nam trong lựa chọn và áp dụng một bộ tiêu chuẩn phù hợp. Bên cạnh đó, hệ thống đo lường ESG chưa được tiêu chuẩn hóa, dữ liệu chuỗi cung ứng còn phân tán, khó xác minh, dẫn đến rủi ro báo cáo thiếu minh bạch và khó đáp ứng yêu cầu của đối tác quốc tế. Cũng theo báo cáo của Ngân hàng nhà nước, 67% số doanh nghiệp chưa xác định được hệ thống chỉ số ESG phù hợp để theo dõi và đánh giá.

Rào cản pháp lý ngày càng siết chặt và nguy cơ “tẩy xanh”: Các quy định quốc tế như Chỉ thị Thẩm định tính bền vững của doanh nghiệp (CSDDD), Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM), Quy định của Liên minh châu Âu về sản phẩm không gây phá rừng (EUDR) ngày càng trở thành những rào cản phi

thuế quan nghiêm ngặt, buộc doanh nghiệp phải liên tục cập nhật quy trình tuân thủ nếu không muốn bị hạn chế tiếp cận thị trường. Nguy cơ này càng trở nên nghiêm trọng hơn khi kết hợp với điểm yếu về nhận thức và năng lực quản trị ESG của doanh nghiệp Việt Nam, tạo ra một “vùng mù” khiến các hành vi “tây xanh” dễ dàng xảy ra mà không được giám sát hiệu quả.

Rủi ro về công nghệ và an ninh mạng: Đầu tư vào công nghệ xanh đòi hỏi chi phí lớn và không phải lúc nào cũng mang lại hiệu quả tức thời, làm gia tăng áp lực tài chính cho doanh nghiệp. Hơn nữa, việc số hóa và quản lý dữ liệu ESG cũng đi kèm với nguy cơ mất an toàn thông tin và tấn công mạng, đặc biệt trong bối cảnh yêu cầu thu thập, lưu trữ và chia sẻ dữ liệu trong chuỗi cung ứng ngày càng mở rộng.

Những phân tích trên cho thấy, các doanh nghiệp Việt Nam đang có những điểm mạnh để không chỉ “bắt kịp” mà còn có thể “vượt lên” trong cuộc đua ESG nếu được khai thác hiệu quả. Tuy nhiên, những điểm yếu mang tính hệ thống lại đang gây ra “lực cản” đáng kể đối với quá trình tích hợp ESG vào GSCM của các doanh nghiệp Việt Nam. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp phải xây dựng các định hướng chiến lược cụ thể nhằm tối đa hóa cơ hội và giảm thiểu thách thức thông qua việc khai thác triệt để các “cú hích” từ cả chính sách vĩ mô và thị trường vốn; đồng thời, hạn chế những thách thức, rào cản mang tính đa chiều, từ quy định, thị trường đến công nghệ trong quá trình chuyển đổi xanh.

Kết luận và hàm ý chiến lược

Việc tích hợp ESG vào GSCM không chỉ là một xu hướng mà là một sự chuyển dịch chiến lược, từ tư duy tuân thủ bị động sang kiến tạo giá trị một cách chủ động. Khi được áp dụng đồng bộ, khuôn khổ này giúp chuỗi cung ứng trở nên minh bạch hơn, vận hành hiệu quả hơn và giảm thiểu rủi ro toàn diện. Đối với doanh nghiệp Việt Nam, đây là điều kiện cần thiết để tham gia và định hình lại vị thế của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu đang được tái cấu trúc. Dựa trên phân tích SWOT, có thể rút ra một số hàm ý chiến lược sau đây:

Thứ nhất, đối với doanh nghiệp: Cần chủ động đầu tư vào công nghệ để nâng cao tính minh bạch và hiệu quả của chuỗi cung ứng; ưu tiên nâng cao năng lực quản trị ESG thông qua đào tạo nhân lực và xây dựng một hệ thống quản trị rủi ro bài bản; xây dựng văn hóa doanh nghiệp bền vững, coi ESG là một phần không thể thiếu trong chiến lược kinh doanh dài hạn, thay vì chỉ là một chi phí tuân thủ.

Thứ hai, đối với cơ quan quản lý nhà nước: Cần sớm xây dựng và ban hành các bộ tiêu chuẩn, hướng dẫn quốc gia về ESG phù hợp với thông lệ quốc tế nhưng có tính đến đặc thù của doanh nghiệp Việt Nam; ban hành các chính sách hỗ trợ cụ thể về tài chính (tín dụng xanh, ưu đãi thuế) và công nghệ để khuyến khích và tạo điều kiện cho doanh nghiệp, đặc biệt là khối SME, thực hiện chuyển đổi xanh.

Tóm lại, việc tích hợp thành công ESG vào GSCM không chỉ nâng cao vị thế cạnh tranh của từng doanh nghiệp, từng chuỗi cung ứng mà còn đóng góp trực tiếp vào việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững quốc gia. Đây là con đường tất yếu để xây dựng một nền kinh tế tự chủ, có khả năng chống chịu cao và nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế./.